

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36 /2017/HNGĐ-ST

Ngày: 20/7/2017

V/v tranh chấp: “Xin ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn D Phong

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thu Hồng

Ông Phan Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre

Ngày 20 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 24/3/2017 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2017/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* anh **Nguyễn Phúc D**, sinh năm 1989; nơi cư trú: đường N, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: luật sư Nguyễn Văn T - Văn phòng luật sư Nguyễn Văn T thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre (có mặt)

2. *Bị đơn:* chị **Lư Hoàng Ngọc B**, sinh năm 1989; nơi cư trú: đường N, phường A, thành phố BT, tỉnh Bến Tre. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2017, trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh D và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Anh D và chị B kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 1 thành phố tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng. Đến tháng 5/2016 thì phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều mặt như: chị B đi làm về không ăn cơm và thường xuyên tức giận vô cớ không lý do, về nhà kiếm chuyện gây sự khi biết anh mẹ anh D bị nợ nần, ...Hai anh chị đã ly thân từ tháng 11/2016 đến nay. Nay anh D xin được ly hôn.

Về con chung không có.

Về tài sản chung: anh D cho rằng tài sản chung của anh chị gồm có: 01 xuyên tay 02 chỉ vàng 24K; 01 dây chuyền vàng 05 chỉ 24K; 01 kiềng 03 chỉ vàng 24K; 02 nhẫn cưới vàng 18K; 01 đôi bông hột xoàn 3,6 ly. Anh D không đồng ý giao toàn bộ vàng cưới cho chị B. Anh D còn cho rằng khi cưới gia đình chị B có cho chị B chiếc lắc 04 chỉ vàng 24K và anh D bán số nữ trang của vợ chồng đưa cho chị B 24.000.000đồng để trả tiền viện phí.

Về nợ chung: không có.

Bị đơn chị B trình bày: Chị thống nhất với lời trình bày của anh D về thời gian và điều kiện kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến tháng 10/2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị bị bệnh có thai ngoài tử cung phải mổ từ đó vợ chồng hay cãi nhau về con cái nên chị buồn bực, mâu thuẫn không giải quyết được nên đến tháng 11/2016 gia đình chồng gọi chị về nhà cha mẹ ruột của chị, anh D không đến thăm chị. Từ trước tới giờ anh D cũng không có bàn bạc việc ly hôn Nay chị cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: không có

Về tài sản chung gồm có: 01 xuyên tay 02 chỉ vàng 24K; 01 dây chuyền vàng 05 chỉ 24K; kiềng 03 chỉ vàng 24K và tiền cưới là 20.000.000đồng các tài sản này anh D đang giữ: Riêng 01 đôi bông hột xoàn 3,6 ly chị đang giữ và đây là tài sản riêng của chị, còn 02 nhẫn cưới vàng 18K mỗi người giữ một chiếc. Nay chị yêu cầu được nhận 01 đôi bông hột xoàn 3,6ly, số nữ trang còn lại và tiền cưới chia đôi. Việc anh D cho rằng bên chị khi cưới cho chị chiếc lắc 04 chỉ vàng 24 K cũng như việc anh D đưa cho chị số tiền 24.000.000 đồng là hoàn toàn không có.

Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, kết quả của việc tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:

[1] Ngày 14/3/2017 anh Nguyễn Phúc D có đơn xin ly hôn, hiện anh D và chị B đều sinh sống tại phường 1 thành phố Bến Tre nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo qui định tại các Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Ngày 12/6/2017 anh D có đơn xin xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp.

[3] Anh Nguyễn Phúc D và chị Lư Hoàng Ngọc B kết hôn vào năm 2015 và đăng ký kết hôn vào ngày 03/9/2015 tại UBND phường 1 thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, hôn nhân do cả hai tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về nhiều mặt. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 11/2016 đến nay. Tại Tòa anh D xin được ly hôn chị B cũng đồng ý ly hôn. Xét thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó có đủ căn cứ chấp nhận việc thuận tình ly hôn của hai anh chị.

[4] Về con chung: Anh D và chị B không có con chung nên không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về tài sản chung: tại biên bản hòa giải ngày 18/4/2017 anh D và chị B đều thống nhất tài sản chung của anh chị gồm có 01 xuyến tay 02 chỉ vàng 24K; 01 dây chuyền vàng 05 chỉ 24K; 01 kiềng 03 chỉ vàng 24K và tiền cưới là 20.000.000đồng; phần tài sản này anh D đang giữ, 02 nhẫn cưới vàng 18K mỗi người giữ một chiếc. Phần tài sản mà các điều thống nhất là tài sản chung của vợ chồng được chia đôi theo qui định của pháp luật.

Còn 01 đôi bông hột xoàn 3,6 ly anh D cho rằng đây là tài sản chung của vợ chồng nhưng chị B cho rằng đây là tài sản riêng của chị. Theo phong tục tập quán thì một trong những thủ tục không thể thiếu trong việc cưới hỏi chính là việc nhà trai tặng sính lễ cho cô dâu. Như vậy đôi bông hột xoàn 3,6 ly mà gia đình anh D cho chị B trong ngày cưới được xem là tài sản riêng của chị B theo khoản 1 điều 43 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó không có cơ sở chấp nhận yêu cầu chia đôi bông cưới của anh D.

Bên cạnh đó việc anh D cho rằng khi cưới bên gia đình chị B có cho chiếc lắc 04 chỉ vàng 24K và anh đưa cho chị B số tiền 24.000.000đồng nhưng chị B không thừa nhận và anh cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc trên nên không thể xem xét giải quyết.

Giá vàng 24K trên thị trường ngày vào 20/7/2017 là 3.638.000 đồng/ chỉ. Tài sản chung của anh D và chị B là 10 chỉ vàng 24 K trị giá 36.380.000 đồng + 20.000.000đồng tiền cưới = 56.380.000đồng. Chia đôi mỗi người được nhận phân nửa tức 28.190.000đồng. Do đó anh D phải có trách nhiệm giao cho chị B số tiền 28.190.000đồng (Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi ngàn đồng)

[6] Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

[7] *Về án phí*: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng anh D phải nộp. Án phí dân sự có giá ngạch 5% anh D và chị B phải nộp mỗi người là 1.409.500 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 228, 235 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Phúc D, cụ thể tuyên:

- *Về hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Phúc D và Chị Lư Hoàng Ngọc B.

- *Về con chung*: không có

- *Về tài sản chung*: anh D được quyền quản lý số tài sản gồm: 01 xuyên tay 02 chỉ vàng 24K; 01 dây chuyền vàng 05 chỉ 24K; 01 kiềng 03 chỉ vàng 24K và tiền cưới là 20.000.000đồng. Anh D có trách nhiệm hoàn lại cho chị B số tiền 28.190.000đồng (Hai mươi tám triệu một trăm chín mươi ngàn đồng)

Không chấp nhận yêu cầu chia đôi bông hột xoàn 3,6 ly của anh D.

- *Về nợ chung*: Không có.

Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm anh Nguyễn Phúc D phải nộp là 300.000.đồng nhưng được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010363 ngày 24/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre. Án phí dân sự có giá ngạch anh Nguyễn Phúc D phải nộp là 1.409.500 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng); chị Lư Hoàng Ngọc B phải nộp là 1.409.500 đồng (Một triệu bốn trăm lẻ chín ngàn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 675.000đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010862 ngày 26/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- UBND phường 1 TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Nguyễn Duy Phong